

LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN-LẦN 1
Đợt 3 - Các lớp cao đẳng, CĐLT khóa 2024, 2025 và trung cấp khóa 2025
Học Kỳ 1 - Năm Học 25-26

Trang 1

STT	Ngày Thi	Tên môn học/mô đun	Mã MH	Số HSSV dự kiến	Phòng thi	Giờ thi	TG làm bài (phút)	Ghi chú
1	05/01/26	Giáo dục chính trị	1609001	26	F2.1	07g30	60	
2	05/01/26	Giáo dục chính trị	1609001	26	F2.3	07g30	60	
3	05/01/26	Giáo dục chính trị	1609001	26	F2.5	07g30	60	
4	05/01/26	Giáo dục chính trị	1609001	26	F2.6	07g30	60	
5	05/01/26	Giáo dục chính trị	1609001	26	F2.5	09g00	60	
6	05/01/26	Giáo dục chính trị	1609001	15	F2.6	09g00	60	
7	05/01/26	Kỹ năng mềm	1609004	30	F2.3	09g00	60	
8	05/01/26	Công nghệ vi sinh vật	0805005	6	F2.3	13g30	60	
9	05/01/26	Pháp luật	0809002	26	F2.1	13g30	60	
10	05/01/26	Giáo dục chính trị	0809005	19	F2.3	13g30	60	
11	05/01/26	Giáo dục chính trị	0809005	19	F2.5	13g30	60	
12	05/01/26	Giáo dục chính trị	1209004	24	A1.04	13g30	60	
13	06/01/26	Tin học	0819001	25	F2.1	07g30	90	
14	06/01/26	Tin học	0819001	25	F2.3	07g30	90	
15	06/01/26	Tin học	0819001	25	F2.5	07g30	90	
16	06/01/26	Tin học	0819001	25	F2.6	07g30	90	
17	06/01/26	Tin học	0819001	25	F2.1	09g30	90	
18	06/01/26	Tin học	0819001	25	F2.3	09g30	90	
19	06/01/26	Tin học	0819001	15	F2.5	09g30	90	
20	07/01/26	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	0819031	7	A3.06	07g30	90	
21	07/01/26	An toàn lao động trong nhà bếp	1602001	34	A3.06	07g30	60	
22	07/01/26	An toàn lao động trong nhà bếp	1602001	34	A3.05	07g30	60	
23	07/01/26	An toàn lao động trong nhà bếp	1602001	35	A3.07	07g30	60	
24	07/01/26	Pháp luật	1609002	29	F2.1	07g30	50	
25	07/01/26	Tổng quan du lịch	1615001	22	F2.5	07g30	60	
26	07/01/26	Tổng quan du lịch	1615001	22	F2.6	07g30	60	
27	07/01/26	Tiếng Anh chuyên ngành	0804019	21	F2.1	13g30	60	
28	07/01/26	Quản trị các dịch vụ giải trí trong khách sạn	0814005	26	A1.04	13g30	90	
29	07/01/26	Tổ chức nhà bếp	1204012	8	A1.04	13g30	60	
30	08/01/26	Kỹ năng mềm	0809006	26	F2.1	07g30	60	
31	08/01/26	Kỹ năng mềm	0809006	26	F2.3	07g30	60	
32	08/01/26	Kỹ năng mềm	0809006	26	F2.5	07g30	60	
33	08/01/26	Kỹ năng mềm	0809006	26	F2.6	07g30	60	
34	08/01/26	Kỹ năng mềm	0809006	26	F2.1	09g00	60	
35	08/01/26	Kỹ năng mềm	0809006	23	F2.3	09g00	60	
36	09/01/26	Hạch toán định mức trong chế biến món ăn	0817014	38	A3.06	07g30	60	

LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN-LẦN 1
Đợt 3 - Các lớp cao đẳng, CĐLT khóa 2024, 2025 và trung cấp khóa 2025

Trang 2

STT	Ngày Thi	Tên môn học/mô đun	Mã MH	Số HSSV dự kiến	Phòng thi	Giờ thi	TG làm bài (phút)	Ghi chú
37	09/01/26	Thương phẩm hàng thực phẩm	1603005	34	A2.08	07g30	60	
38	09/01/26	Thương phẩm hàng thực phẩm	1603005	34	A2.09	07g30	60	
39	09/01/26	Thương phẩm hàng thực phẩm	1603005	34	A3.05	07g30	60	
40	09/01/26	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	1614001	21	F2.1	07g30	60	
41	09/01/26	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	1614001	21	F2.3	07g30	60	
42	09/01/26	Lập trình Python cơ bản	1619029	28	F2.5	07g30	90	
43	09/01/26	Kỹ thuật phân tích DNA	0806002	6	F2.3	13g30	60	
44	09/01/26	Tiếng Anh chuyên ngành (DL,NH,KS)	0810003	21	F2.1	13g30	60	
45	09/01/26	Tin học	1219002	17	F2.3	13g30	60	
46	10/01/26	Tiếng Anh	0810035	26	F2.1	07g30	60	
47	10/01/26	Tiếng Anh	0810035	26	F2.3	07g30	60	
48	10/01/26	Tiếng Anh	0810035	26	F2.5	07g30	60	
49	10/01/26	Tiếng Anh	0810035	27	F2.6	07g30	60	
50	10/01/26	Tiếng Anh	0810035	27	F2.1	09g00	60	
51	12/01/26	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	0814046	18	F2.5	07g30	60	
52	12/01/26	Tâm lý và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	0814046	17	F2.6	07g30	60	
53	12/01/26	Pháp luật	1209002	24	A3.08	07g30	50	
54	12/01/26	An toàn vệ sinh thực phẩm	1603018	34	A3.05	07g30	60	
55	12/01/26	An toàn vệ sinh thực phẩm	1603018	34	A3.06	07g30	60	
56	12/01/26	An toàn vệ sinh thực phẩm	1603018	34	A3.07	07g30	60	
57	12/01/26	Nhập môn hướng dẫn du lịch	1614023	19	F2.3	07g30	45	
58	12/01/26	Thiết kế Web	1619007	37	F2.1	07g30	90	
59	12/01/26	Tổ chức nhà bếp và an toàn lao động	0802005	31	A3.06	13g30	60	
60	12/01/26	Tổ chức nhà bếp và an toàn lao động	0802005	31	A3.05	13g30	60	
61	12/01/26	Tổ chức nhà bếp và an toàn lao động	0802005	31	A3.07	13g30	60	
62	12/01/26	Công nghệ protein-enzyme	0805003	5	F2.5	13g30	60	
63	12/01/26	Hoá sinh	0807001	17	F2.5	13g30	60	
64	12/01/26	Hoá sinh	0807001	17	F2.6	13g30	60	
65	12/01/26	Tiếng Anh chuyên ngành KTCBMA	0810008	30	F2.1	13g30	60	
66	14/01/26	Dinh dưỡng	1603020	42	A3.06	07g30	60	
67	14/01/26	Dinh dưỡng	1603020	42	A3.07	07g30	60	
68	14/01/26	Tiếng Anh	1610003	26	F2.1	07g30	60	
69	14/01/26	Tiếng Anh	1610003	26	F2.3	07g30	60	
70	14/01/26	Tiếng Anh	1610003	26	F2.5	07g30	60	
71	14/01/26	Tiếng Anh	1610003	12	F2.6	07g30	60	
72	14/01/26	Vi sinh	0805001	18	F2.1	09g00	60	
73	14/01/26	Vi sinh	0805001	18	F2.3	09g00	60	

LỊCH THI KẾT THÚC MÔN HỌC/MÔ ĐUN-LẦN 1
Đợt 3 - Các lớp cao đẳng, CĐLT khóa 2024, 2025 và trung cấp khóa 2025

Trang 3

STT	Ngày Thi	Tên môn học/mô đun	Mã MH	Số HSSV dự kiến	Phòng thi	Giờ thi	TG làm bài (phút)	Ghi chú
74	14/01/26	Thương phẩm hàng thực phẩm	0803007	29	A2.07	13g30	60	
75	14/01/26	Thương phẩm hàng thực phẩm	0803007	29	A2.08	13g30	60	
76	14/01/26	Thương phẩm hàng thực phẩm	0803007	28	A2.09	13g30	60	
77	14/01/26	Tổng quan du lịch	0815001	19	F2.1	13g30	60	
78	14/01/26	Tổng quan du lịch	0815001	19	F2.3	13g30	60	
79	14/01/26	Tổng quan du lịch	0815001	17	F2.5	13g30	60	
80	14/01/26	Tổng quan du lịch	0815001	17	F2.6	13g30	60	
81	14/01/26	Tiếng Anh	1210002	26	A2.06	13g30	60	
82	16/01/26	Dinh dưỡng và xây dựng thực đơn	0803012	28	A2.06	07g30	60	
83	16/01/26	Dinh dưỡng và xây dựng thực đơn	0803012	29	A2.07	07g30	60	
84	16/01/26	Dinh dưỡng và xây dựng thực đơn	0803012	29	A2.08	07g30	60	
85	16/01/26	Các quá trình trong chế biến thực phẩm	0804012	23	A1.04	07g30	60	
86	16/01/26	Các quá trình trong chế biến thực phẩm	0804012	23	A1.05	07g30	60	
87	16/01/26	Tiếng nhật nâng cao	0899002	17	A2.05	07g30	90	
88	16/01/26	Xây dựng thực đơn	1203020	8	A1.04	07g30	60	
89	16/01/26	Tin học	1619002	21	F2.1	07g30	60	
90	16/01/26	Tin học	1619002	21	F2.3	07g30	60	
91	16/01/26	Tin học	1619002	21	F2.5	07g30	60	
92	16/01/26	Quản trị học	0813008	22	F2.1	13g30	45	
93	16/01/26	Nhập môn hướng dẫn du lịch	0814031	18	F2.3	13g30	45	
94	17/01/26	Tiếng Nhật cơ bản	0899035	38	A3.05	07g30	90	

Lưu ý:

- HSSV đăng ký thi cải thiện điểm hoặc thi lần 3 thì đăng ký theo link sau trước ngày 29/12/2025
<https://forms.gle/BtsH91FsEyUw6wyZ6>
- HSSV xem danh sách dự thi chính thức của từng môn học trước ngày thi kết thúc môn học đó 2 ngày trên website: daotao.cfi.edu.vn
- HSSV đến phòng thi trước giờ thi 30 phút để làm thủ tục vào phòng
- Khi vào phòng thi phải xuất trình thẻ HSSV

Nơi nhận:

- Các phòng, khoa, TT;
- Lưu Đào tạo.

TL.HIỆU TRƯỞNG
KT.TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lê Thị Thảo Tiên